

Bản án số: 27/2021/DS-ST
Ngày 06/4/2021
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Vân.

Ông Lê Bình Quyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ Tín dụng nhân dân H.

Địa chỉ: Xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang V - Trưởng ban kiểm soát Quỹ Tín dụng nhân dân H (Theo Quyết định về việc chỉ định người đại diện Tổ chức tín dụng số 132/QĐ-THH2 ngày 28/6/2018 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn T, Trưởng phòng tín dụng Quỹ Tín dụng nhân dân H. Theo giấy ủy quyền ngày 07/12/2020. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Văn T, sinh năm 1975.

Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977. (Theo Giấy ủy quyền ngày 09/3/2021). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2020, bản tự khai ngày 17/12/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/04/2014 ông/bà Nguyễn Thị T, Mai Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 266/HĐTD với Quỹ TDND H vay vốn. Số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); mục đích sử dụng tiền vay: Dịch vụ hàng thực phẩm; thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 14/4/2014 đến ngày 14/4/2015); lãi suất cho vay 1,2%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng; phương thức trả nợ: Trả lãi hàng tháng, tiền gốc trả gộp; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn.

Thực hiện việc đảm bảo tiền vay ngày 10/04/2014 ông/bà Nguyễn Thị T, Mai Văn T có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 266/HĐTC với Quỹ TDND H. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 222, tờ bản đồ số 09 (E_48_08_111_b_4) bản đồ địa chính xã K; diện tích: 179,2m², đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng lâu dài; được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 3863..., ngày 30/12/2006; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 007...; người sử dụng đất ông/bà Mai Văn T, Nguyễn Thị T ở thôn H, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Giấy ủy quyền về việc xử lý đất, nhà ở và tài sản trên đất ngày 10/4/2014.

Trong quá trình quan hệ tín dụng ông/bà Nguyễn Thị T, Mai Văn T thường xuyên để xảy ra nợ quá hạn và bắt đầu từ tháng 04/2015 không trả nợ theo cam kết nên đã bị chuyển nợ quá hạn. Kể từ khi khoản vay được chuyển nợ quá hạn, Quỹ TDND H đã thực hiện nhiều biện pháp thu hồi nợ như gửi thông báo, nhắc nhở, đôn đốc khách hàng trả nợ, tạo điều kiện để ông/bà Nguyễn Thị T, Mai Văn T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả. Ông/bà Nguyễn Thị T, Mai Văn T vi phạm cam kết trả nợ, trốn tránh làm việc với Quỹ TDND H, đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của Quỹ TDND H.

Tính đến ngày 11/11/2020 ông/bà Nguyễn Thị T, Mai Văn T còn nợ Quỹ TDND H tổng số tiền là 212.029.700 đồng (*Hai trăm mười hai triệu không trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm đồng*), trong đó nợ gốc là 92.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 79.131.800 đồng, nợ lãi quá hạn 40.397.900 đồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông/bà Nguyễn Thị T, Mai Văn T trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền gốc là 92.500.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 11/11/2020

còn nợ lãi trong hạn 79.131.800 đồng, nợ lãi quá hạn 40.397.900 đồng và tính lãi theo hợp đồng kể từ ngày tiếp theo sau khi có bản án sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong việc trả nợ.

Vợ chồng bà T, ông T không thực hiện việc trả nợ, đề nghị Tòa án giải quyết giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng thửa đất và nhà ở, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 222, tờ bản đồ số 09 (E_48_08_111_b_4) bản đồ địa chính xã K; đứng tên chủ sử dụng ông/bà Nguyễn Thị T, Mai Văn T để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà T và ông T.

Theo bản tự khai ngày 17/12/2020 của bị đơn bà Nguyễn Thị T và là người được ủy quyền của ông Mai Văn T trong quá trình giải quyết tại Tòa án:

Tôi có ký với Quỹ tín dụng nhân dân H Hợp đồng tín dụng số 266/HĐTD, ngày 14/4/2014 vay số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1,2%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng; phương thức trả nợ: trả lãi hàng tháng, tiền gốc trả góp; lãi suất nợ quá hạn gốc và lãi bằng 150% lãi suất nợ trong hạn; Quá trình vay nợ thì gia đình tôi mới trả được số tiền gốc là 7.500.000 đồng và số tiền lãi là 9.114.000 đồng. Do làm ăn khó khăn nên gia đình tôi chưa có khả năng trả nợ cho Quỹ tín dụng; nay Quỹ tín dụng yêu cầu chúng tôi phải trả khoản tiền nợ gốc còn nợ của Quỹ tín dụng là 92.500.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 11/11/2020 là nợ lãi trong hạn 79.131.800 đồng; nợ lãi quá hạn 40.397.900 đồng; Chúng tôi cam kết với Quỹ tín dụng là sẽ trả nợ hàng tháng, bắt đầu từ ngày 30 tháng 3 năm 2021 mỗi tháng chúng tôi sẽ trả 3.000.000 đồng trả cho đến khi hết nợ.

Vợ chồng tôi đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 266/HĐTC ngày 10/4/2014, thế chấp quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 222, tờ bản đồ số 09 (E_48_08_111_b_4) bản đồ địa chính xã K; địa chỉ: thôn H, xã K; đứng tên chủ sử dụng ông Mai Văn T và Nguyễn Thị T, đã được cấp GCNQSD số BE 3863..., sổ vào sổ cấp GCNQSD H 007..., cấp ngày 30/12/2006.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/01/2021: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 3863... cấp ngày 30/12/2006 chủ sử dụng đất ông Mai Văn T, bà Nguyễn Thị T tại thửa số 222, tờ bản đồ 09 bản đồ địa chính xã K. Diện tích 179,2m². Phía Đông giáp thửa 221 hộ ông Lê Quang L; phía Tây giáp thửa 223 hộ ông Phạm Công N; phía Nam giáp thửa 229 hộ ông Lê Hồng C; phía Bắc giáp thửa 216 hộ ông Lê Anh T. Kích thước các cạnh theo đúng sơ đồ tại giấy chứng nhận đã cấp. Tài sản gắn liền với đất gồm một nhà mái bằng xây tường chịu lực và công trình phụ.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc ông/bà Nguyễn Thị T, Mai Văn T trả cho Quỹ tín dụng tính đến ngày 11/11/2020 là 212.029.700 đồng (gồm nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn). Tính lãi tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông T và bà T trả hết toàn bộ số nợ cho Quỹ tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu bà T và ông T không thi hành việc trả nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 266/HĐTC ngày 10/04/2014.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T; bị đơn và là người được ủy quyền đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo quy định.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân H đối với bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn T là có cơ sở, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho QTDND H số tiền nợ gốc 92.500.000 đồng, tiền lãi (đến ngày 11/11/2020) trong hạn 79.131.800 đồng, nợ lãi quá hạn 40.397.900 đồng.

Nếu bà T và ông T không thi hành nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 266/HĐTC ngày 10/04/2014 là quyền sử dụng đất (179,2m²) tại thửa đất số 222, tờ bản đồ số 09 bản đồ địa chính xã K và tài sản gắn liền trên đất tại thôn H, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho QTDND H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú

tại xã K, huyện H và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện Hoằng Hóa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T (theo Giấy ủy quyền ngày 09/3/2021). Bị đơn và người được ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Quỹ tín dụng nhân dân H ngày 14/4/2014 **có ký** hợp đồng tín dụng số 266/HĐTD với bà Nguyễn Thị T, người thừa kế ông Mai Văn T vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 14/4/2014 đến ngày 14/4/2015); lãi suất cho vay 1,2%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng; phương thức trả nợ: Trả lãi hàng tháng, tiền gốc trả góp; lãi suất nợ quá hạn, gốc và lãi, bằng 150% lãi suất nợ trong hạn. Bà T đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng, quá trình thực hiện hợp đồng bà T mới trả số tiền gốc (đến ngày 08/7/2019) là 7.500.000 đồng và số tiền lãi là 9.114.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; nay đã quá hạn trả nợ nhưng bà T không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm cam kết của hợp đồng tín dụng. Như vậy, việc Quỹ tín dụng nhân dân H khởi kiện yêu cầu bà T, ông T trả toàn bộ dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 11/11/2020 nợ gốc là 92.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn 79.131.800 đồng, nợ lãi quá hạn 40.397.900 đồng là có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Theo ký kết của hợp đồng tín dụng và việc giải quyết về tranh chấp hợp đồng tín dụng thì lãi suất được tính cho đến ngày xét xử sơ thẩm, nhưng phía nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 11/11/2020, đây là sự hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, có lợi cho bị đơn nên chấp nhận việc yêu cầu tính lãi của nguyên đơn (không tính lãi từ sau ngày 11/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm).

Ông/bà Nguyễn Thị T, Mai Văn T có quan hệ là vợ chồng, ông T ký hợp đồng là người thừa kế hợp đồng và thế chấp tài sản đảm bảo là đất ở và nhà trên đất của chung vợ chồng, do đó cần buộc ông bà Nguyễn Thị T, Mai Văn T cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ TDND H số tiền trên.

[3.2] Đối với yêu cầu về phương thức trả nợ: Ông/bà Nguyễn Thị T, Mai Văn T thừa nhận khoản nợ hiện nay như Quỹ tín dụng yêu cầu là đúng và cam kết là sẽ trả nợ hàng tháng, bắt đầu

từ ngày 30 tháng 3 năm 2021 mỗi tháng chúng tôi sẽ trả 3.000.000 đồng trả cho đến khi hết nợ. Xét thấy yêu cầu về thực hiện phương thức trả nợ của bà Nguyễn Thị T, ông Mai Văn T là không đúng với cam kết theo hợp đồng tín dụng số 266/HĐTD ngày 14/4/2014, do đó không có căn cứ chấp nhận về phương thức trả nợ hàng tháng của bị đơn.

[3.3] Đối với Hợp đồng thế chấp: Ông/bà Nguyễn Thị T, Mai Văn T có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 266/HĐTC ngày 10/04/2014 với Quỹ TDND H. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 222, tờ bản đồ số 09 (E_48_08_111_b_4) bản đồ địa chính xã K; diện tích: 179,2m², đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng lâu dài; được Ủy ban nhân dân huyện H cấp GCNQSDĐ số AE 3863..., ngày 30/12/2006; người sử dụng đất ông/bà Mai Văn T, Nguyễn Thị T ở thôn H, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp, nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ phát sinh bao gồm và không giới hạn bởi hợp đồng tín dụng số 266/HĐTD ngày 14/4/2014 và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác khác có liên quan đến các hợp đồng tín dụng, các chi phí liên quan đến tài sản thế chấp, việc ký kết hợp đồng thế chấp là sự tự nguyện của hai bên đúng theo quy định của pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn về quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Mai Văn T, bà Nguyễn Thị T phải chịu $212.029.700 \times 5\% = 10.601.000$ (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 5.300.000 đồng cho Quỹ tín dụng nhân dân H theo biên lai thu số AA/0010191 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 317; Điều 318; Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền nợ gốc 92.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn 79.131.800 đồng, nợ lãi quá hạn 40.397.900 đồng (tính đến ngày 11/11/2020). Tổng tiền gốc và lãi **212.029.700 đồng** (*Hai trăm mười hai triệu không trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm đồng*).

Kể từ ngày 07/4/2021 (ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn T tiếp tục phải trả các khoản nợ phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng số 266/HĐTD ngày 14/4/2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Quỹ tín dụng nhân dân H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên thì Quỹ tín dụng nhân dân H có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 266/HĐTC ngày 10/04/2014. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất (179,2m²) tại thửa đất số 222, tờ bản đồ số 09 bản đồ địa chính xã K và tài sản gắn liền trên đất tại thôn H, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 3863..., ngày 30/12/2006 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 30/12/2006 mang tên ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị T.

3. Án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Mai Văn T phải chịu 10.601.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm linh một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền tạm ứng án phí 5.300.000 đồng (*Năm triệu ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/0010191 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Thắng